BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN BẢO HỘ ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ CỦA ASEAN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TƯ PHÁP**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ CỦA ASEAN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Chuyên ngành: Luật quốc tế

Mã số: 9 38 01 08

LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hoàng Phước Hiệp

Hà Nội - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong Luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của Luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....
MỞ ĐẦU **1**
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI **7**
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài 7
1.1.1. Những công trình nghiên cứu tổng thể các vấn đề trong bảo hộ đầu tư 7
1.1.2. Những công trình nghiên cứu về vấn đề tước quyền sở hữu, quốc hữu hóa 11
1.1.3. Những công trình nghiên cứu về các nguyên tắc đối xử với nhà đầu tư nước ngoài 15
1.1.4. Những công trình nghiên cứu về vấn đề giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư nước ngoài 20
1.1.5. Những công trình nghiên cứu về vấn đề bồi thường trong trường hợp xung đột vũ trang 24
1.1.6. Những công trình nghiên cứu về vấn đề chuyển vốn và lợi nhuận 25
1.1.7. Những công trình nghiên cứu một số vấn đề pháp lý về bảo hộ đầu tư trong ASEAN 26
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước 29
1.2.1. Những công trình nghiên cứu về một nội dung pháp lý cụ thể trong bảo hộ đầu tư 29
1.2.2. Những công trình nghiên cứu tổng thể những vấn đề pháp lý của bảo hộ đầu tư trong ASEAN **31**
1.3. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án **34**
1.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu của Luận án 35
1.5. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong Luận án 35
CHƯƠNG 2 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA ASEAN VỀ ĐẦU TƯ **37**
2.1. Khái niệm bảo hộ đầu tư 37
2.1.1. Định nghĩa bảo hộ đầu tư 37
2.1.2. Đặc điểm của bảo hộ đầu tư 40
2.1.3. Vai trò của bảo hộ đầu tư ***48***
2.2. Cơ sở pháp lý của bảo hộ đầu tư 52

2.2.1. Điều ước quốc tế 52
2.2.2. Tập quán quốc tế 54
2.2.3. Các nguồn luật khác 55
2.3. Các nguyên tắc bảo hộ đầu tư 56
2.3.1. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (Most Favoured Nation - MFN) 56
2.3.2. Nguyên tắc đối xử quốc gia (National Treatment - NT) 59
2.3.3. Nguyên tắc đối xử công bằng và thoả đáng (Fair and Equitable Treatment - FET) 63
2.3.4. Nguyên tắc bảo hộ an toàn và đầy đủ (Full Protection Sercurity - FPS) ... 66
2.3.5. So sánh các nguyên tắc bảo hộ đầu tư trong các hiệp định của ASEAN về đầu tư với một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới 69
2.4. Các biện pháp bảo hộ đầu tư 72
2.4.1. Không tước quyền sở hữu và bồi thường khi tước quyền sở hữu (Expropriation and Compensation) 72
2.4.2. Chuyển vốn và tài sản ra nước ngoài (Transfers) 74
2.4.3. Bồi thường trong trường hợp xung đột vũ trang (Compensation in Amed Conflict) 75
2.4.4. Thế quyền (Subrogation) 78
2.4.5. Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với Nhà nước (Investment Dispute Between an Investor and a Member State) 79
2.4.6. Điều khoản chung (Umbrella Clause) 84
KẾT LUẬN CHƯƠNG II 89
CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VÀ THỰC TIỄN THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA ASEAN VỀ ĐẦU TƯ 90
3.1. Thực trạng các quy định về bảo hộ đầu tư theo các hiệp định của ASEAN về đầu tư 90
3.1.1. Tước quyền sở hữu và Bồi thường (Expropriation and Compensation) 92
3.1.2. Chuyển vốn và tài sản (Tranfer) 103
3.1.3. Bồi thường trong trường hợp xung đột vũ trang (Compensation in Cases of Strife) 109
3.1.4. Thế quyền (Subrogation) 110
3.1.5. Giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư với Quốc gia thành viên (Investment Dispute Between an Investor and a Member State) 111

3.1.6. So sánh các quy định về bảo hộ đầu tư trong các hiệp định của ASEAN về đầu tư với quy định về bảo hộ đầu tư trong một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới 117
3.2. Thực tiễn thực thi các hiệp định của ASEAN về bảo hộ đầu tư tại một số Quốc gia thành viên 124
3.2.1. Pháp luật Campuchia 125
3.2.2. Pháp luật Indonesia 126
3.2.3. Pháp luật Myanmar 127
3.2.4. Pháp luật Lào 129
3.2.5. Pháp luật Philippines 130
3.2.6. Nhận xét pháp luật về bảo hộ đầu tư tại một số nước ASEAN 131
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 134
CHƯƠNG 4 THỰC TIỄN VIỆT NAM VỀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA ASEAN VỀ ĐẦU TƯ 136
4.1. Tình hình thực hiện các quy định về bảo hộ đầu tư tại Việt Nam 136
4.1.1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo hộ đầu tư tại Việt Nam 137
4.1.2. Các nguyên tắc bảo hộ đầu tư 141
4.1.3. Các biện pháp bảo hộ đầu tư 143
4.2. Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo hộ đầu tư 154
4.2.1. Ưu điểm 155
4.2.2. Hạn chế 156
4.3. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các hiệp định của ASEAN về bảo hộ đầu tư 160
4.3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả thực hiện các hiệp định của ASEAN về bảo hộ đầu tư của Việt Nam 160
4.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các hiệp định của ASEAN về bảo hộ đầu tư của Việt Nam 163
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 171
KẾT LUẬN CHUNG 172
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 174

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	**AEC**	ASEAN Economic Community *Cộng đồng kinh tế ASEAN*
2	**AFIA**	Framework Agreement on the ASEAN Investment Area *Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN*
3	**AIA**	ASEAN Investment Area *Khu vực đầu tư ASEAN*
4	**ACIA**	ASEAN Comprehensive Investment Agreement *Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN*
5	**APEC**	Diễn đàn kinh tế châu Á- Thái Bình Dương
6	**ASEAN**	Association of Southeast Asian Nations *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*
7	**ASEAN 6**	Brunei, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Phlippines và Singapore
8	**BIT**	Bilateral Investment Treaty *Hiệp định đầu tư song phương*
9	**BOT**	Build-Operate-Transfer *Hợp đồng xây dựng – kinh doanh - chuyển giao ký giữa Nhà nước và nhà đầu tư*
10	**BTO**	Build- Transfer - Operate *Hợp đồng xây dựng – chuyển giao - kinh doanh ký giữa Nhà nước và nhà đầu tư*

11	**BT**	Build- Transfer *Hợp đồng xây dựng - chuyển giao ký giữa Nhà nước và nhà đầu tư*
12	**CPTPP**	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership *Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*
13	**EVFTA**	EU – Vietnam Free Trade Agreement *Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu – Việt Nam*
14	**FDI**	Foreign Direct Investment *Đầu tư trực tiếp nước ngoài*
15	**FET**	Fair and Equitable Treatment *Đối xử công bằng và thoả đáng*
16	**FPS**	Full Protection Sercurity *Bảo hộ đầy đủ và an ninh*
17	**FMV**	Fair Market Value Nguyên tắc giá trị thị trường hợp lý
18	**FTA**	Free Trade Agreement *Hiệp định thương mại tư do*
19	**GATS**	General Agreement on Trade in Services *Hiệp định chung thương mại dịch vụ*
20	**GATT**	General Agreement on Tariffs and Trade *Hiệp định chung về thương mại và thuế quan*
21	**ICJ**	International Court of Justice *Tòa án công lý quốc tế*
22	**ASEAN IGA**	ASEAN Investment Guarantee Agreement *Hiệp định bảo đảm đầu tư ASEAN*

23	**IIA**	International Investment Agreement *Hiệp định đầu tư quốc tế*
24	**IPR**	Intellectual Property Right *Quyền sở hữu trí tuệ*
25	**ICSID**	International Centre for Settlement of Investment Disputes *Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế*
26	**ILC**	International Law Committee *Ủy ban Luật quốc tế*
27	**IMF**	International Monetary Fun *Quỹ tiền tệ quốc tế*
28	**MAI**	Multilateral Agreement on Investment *Hiệp định đầu tư đa phương*
29	**MFN**	Most-Favoured-Nation Treatment *Đối xử tối huệ quốc*
30	**MST**	Minimum Standard of Treatment *Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu*
31	**MNC**	Multinational corporation *Công ty đa quốc gia*
32	**NAFTA**	North American Free Trade Agreement *Hiệp ước thành lập Khu vực thương mại tự do Bắc – Mỹ*
33	**NT**	National Treatment *Đối xử quốc gia*
34	**OECD**	Organisation for Economic Co-operation and Development *Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế*
35	**QGTV**	Quốc gia thành viên

36	**TPP**	Trans-Pacific Partnership Agreement *Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương*
37	**TRIM**	Trade Related Investment Measures *Các biện pháp đầu tư liên quan đến Thương mại*
38	**TRIPs**	Trade-Related Intellectual Property Rights *Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Thương mại*
39	**TTIP**	Transatlantic Trade and Investment Partnership *Hiệp định đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương*
40	**UNCTAD**	United Nations Conference on Trade and Development *Hội nghị của Liên Hợp Quốc về Thương mại và phát triển*
41	**VCCI**	Vietnam Chamber of Commerce and Industry *Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam*
42	**WB**	World Bank *Ngân hàng thế giới*
43	**WTO**	World Trade Organization *Tổ chức thương mại thế giới*